

50 NĂM CÁC DÂN TỘC THiểu SỐ Ở VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG ĐẤT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG CUỘC SỐNG MỚI

BẾ VIẾT ĐĂNG

Sự hình thành và phát triển quốc gia Việt Nam gồm nhiều dân tộc là thắng lợi lịch sử trong việc tập hợp các cư dân trong sự nghiệp dựng nước, bảo vệ tổ quốc chung, tạo lập nên những điều kiện sinh sống, phát triển cho tất cả các dân tộc. Trong quá trình ấy, các dân tộc thiểu số nước ta cũng đã có những cống hiến to lớn, vẻ vang cho đất nước.

Trước đây, trừ một số dân tộc cư trú ở đồng bằng, ven biển, còn hầu hết các dân tộc thiểu số đều ở miền núi. Nói chung, mỗi dân tộc đều sinh sống ở những vùng nhất định, nhiều trường hợp đã hình thành nên lãnh thổ tộc người tương đối rõ rệt. Các vùng cư trú đó tập trung nhiều tài nguyên của đất nước và là quê hương yêu dấu của mỗi dân tộc.

Là những cư dân trồng trọt, trong quá trình lịch sử, các dân tộc nước ta đã tạo ra những cánh đồng tốt tươi trên các thung lũng như: Lộc Bình, Lạng Sơn, Tràng Định, Hòa An, Chợ Mới ở Việt Bắc; Mường Thanh, Mường Lò (Nghĩa Lộ), Mường Tấc (Phù Yên), Mường Than (Than Uyên) ở Tây Bắc; ven biển miền Trung, Trường Sơn - Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long. Trên các vùng núi cũng đã hình thành và mở rộng các triền ruộng bậc thang, nương bãi có thể sản xuất lâu dài, nhất là ở Tây Nguyên. Cho nên,

nhiều nơi ở miền núi đã nổi tiếng gạo trắng nước trong, nhiều loài cây và vật nuôi có giá trị. Có thể kể đến khẩu pay (gạo tẻ), nua hom (gạo nếp) ở Việt Bắc, khẩu tan ngắn (gạo nếp) ở Tây Bắc; ngô nếp và gạo nương ở vùng cao, những kho thóc lớn nhiều tấn ở Tây Nguyên, các loại cây công nghiệp và dược liệu (hồi, trấu, quế, cánh kiến đỏ, chè, thảo quả, cây thuốc) ở một số tỉnh, trâu ở Tuyên Quang, bò ở Cờ Cải vùng cao miền núi phía bắc, ngựa ở Cao Bằng và Kon Tum, lợn Mường Khương, voi ở Dak Lăk, v.v... Đồng thời ở mỗi nơi đều có những nghề thủ công, những mặt hàng thủ công nghiệp nổi tiếng, mang bản sắc văn hóa độc đáo. Trước đây, khi rừng còn nhiều, sông suối còn nhiều ốc, cá, săn bắt và hái lượm cũng thu được nhiều sản phẩm phong phú, giá trị. Cuộc sống của các dân tộc - trừ một số nhóm nhỏ cư dân lệ thuộc vào tầng lớp trên - dù là những cư dân làm nương rẫy du canh, cũng tương đối ổn định, đời sống khá yên ổn.

Tuy có những nét chung, nhưng các làng bản, dù mật tập hay phân tán hoặc kết cấu kiểu pháo đài (ở biên giới), đã được tạo dựng theo những truyền thống khác nhau, gắn với cảnh quan ở từng nơi. Những căn nhà lợp ngói âm dương, những căn nhà có khung cột, những căn nhà dài và nhà rộng, những ngôi chùa, tháp đều là những vẻ đẹp sinh động thể hiện trình độ sáng tạo trong cư trú của cư dân từng vùng, đáp ứng những nhu cầu sản xuất và đời sống. Tại đó các thế hệ của từng gia đình luôn gắn bó với cộng đồng làng, bản, buôn, sóc, mà đây cũng là lực lượng sản xuất, quan hệ xã hội trong thực tế. Nhiều lĩnh vực văn hóa như trang phục, đồ dùng gia đình, phương tiện vận tải, nghi lễ thờ cúng, ca múa dân gian, v.v... ở mỗi nơi đều có những bản sắc riêng. Nếp sống các dân tộc, từ cách ăn, ở, quan hệ gia đình và bản mường, đến phong tục tập quán trong sản xuất, trong sinh hoạt đều là những nét dễ thấy khi tiếp xúc, và đồng bào tự hào về những truyền thống tốt đẹp của mình. Ở các dân tộc cũng đã xuất hiện những di

tích và anh hùng văn hóa, cho đến nay vẫn được tôn thờ. Ở thời kỳ đường giao thông vận tải ít được mở mang, thì nhiều nơi, các con đường mòn với ngựa thồ, voi thồ, đường sông với thuyền, mành giữ vị trí quan trọng trong mối liên hệ trao đổi hàng hóa giữa các vùng xuôi, ngược; ở biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, cùng với mối liên hệ đó, chợ đã sớm phát triển.

Những cái đã đạt được trong xây dựng vùng cư trú, trong các lĩnh vực đời sống vật chất cũng như tinh thần là những cơ sở quan trọng đối với cuộc sống, là quê hương xứ sở, là thành quả sáng tạo của các dân tộc từ bao đời nay và gắn với tương lai, nên trở thành thiêng liêng mà các thế hệ hiện nay đang tiếp tục xây dựng trên những điều kiện mới.

Đối với các dân tộc, tình yêu quê hương, yêu dân tộc, yêu đất nước gắn bó chặt chẽ với nhau trong một quá trình. Chính vì vậy, trong lịch sử, các dân tộc đã ngoan cường tham gia chống xâm lược, chống đô hộ. Dưới thời phong kiến, đồng bào hưởng ứng cuộc khởi nghĩa hai bà Trưng, tham gia chống ách thống trị của nhà Lương thế kỷ 6, nhà Đường thế kỷ 8, nhà Tống thế kỷ 11, nhà Nguyên thế kỷ 13, nhà Minh thế kỷ 15, nhà Thanh thế kỷ 18. Cho đến nay, nhiều địa danh, nhiều trận đánh, nhiều nhân vật anh hùng của các dân tộc những thời xa xưa ấy vẫn còn lưu trong sử sách.

Đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta thì đội quân viễn chinh của chúng đi đến đâu đều bị các dân tộc chống lại. Năm 1863 thực dân Pháp sau khi chiếm được ba tỉnh miền đông Nam Bộ khi đi về các tỉnh phía tây đã bị người Khơ-me, Xiêng, Mnông, Chăm chống lại ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, v.v... Sau đó đồng bào còn tham gia các phong trào khác, xây dựng căn cứ kháng chiến và tiến hành nhiều cuộc tập kích địch cho đến năm 1875.

Trong phong trào Cần Vương và Việt Nam Quang phục hội, các dân tộc ở Bắc Trường

Sơn, ở miền Tây Khu IV, ở Việt Bắc, ở tây Bắc và Quảng Ninh, đã tiến hành nhiều cuộc nổi dậy, tập kích nhiều đồn gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong những năm cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, nhiều cuộc đấu tranh vũ trang đã nổ ra: người Dao đánh đồn Liên Sơn (Vĩnh Phú) tháng 6-1892; đánh đồn Nậm Lốp (Bắc Quang, tỉnh Hà Giang) và Bắc Hà (Lào Cai) năm 1901, chống phu thuế ở Lục Yên Châu năm 1913...; người Hmông tiến hành khởi nghĩa ở Mèo Vạc (Hà Giang) do Sùng Mi Chiăng chỉ huy năm 1909 - 1911 và ở tây Bắc do Giàng Tả Chay chỉ huy năm 1918 - 1921. Cuộc khởi nghĩa của Giàng Tả Chay đã có ảnh hưởng rộng rãi. Trên dọc Trường Sơn - Tây Nguyên từ đầu thế kỷ 20 đến năm 1939 đồng bào các dân tộc cũng đã tiến hành nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang, trong đó từ 1901 - 1937 ở vùng người Xơ-đăng và Ba-na đã có 8 cuộc khởi nghĩa; còn ở người Ê-đê, Gia-rai, Mnông đáng chú ý là các cuộc nổi dậy: năm 1902 - 1904 ở Plây Ku, Đắc Lắc, năm 1901 - 1905 ở Đắc Lắc, năm 1912 - 1936 ở cao nguyên Mnông do N'Trang Long đứng đầu, năm 1934 - 1939 ở người Chăm Hroi tỉnh Phú Yên do Săm B्रam khởi xướng phong trào "Nước Su". Hai phong trào do N'Trang Long và Săm B्रam đã có ảnh hưởng lớn.

Cho đến trước Chiến tranh thế giới lần thứ 2, các cuộc đấu tranh vũ trang của các dân tộc thiểu số đã liên tiếp nổ ra, chiến đấu anh dũng tuy cũng gây cho địch nhiều tổn thất, nhưng đã thất bại. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đòi hỏi sự lãnh đạo của một đường lối đúng đắn mà đó chỉ có thể là của Đảng cộng sản thì mới giành thắng lợi. Chịu ảnh hưởng của phong trào chung của cả nước trong những năm 1925 - 1926 những thanh niên yêu nước, tiến bộ, hòa nhịp được với những bước đi của thời đại của các dân tộc thiểu số như Hoàng Đình Dong, Hoàng Văn Thụ và một số người khác đã đi tìm đường cứu nước, năm 1927 ra nhập

Thanh niên cách mạng đồng chí hội, năm 1929 ra nhập Đảng cộng sản. Ở các dân tộc các chi bộ Đảng lần lượt được xây dựng: 1-4-1930 tại Năm Lin, xã Hào Lịch, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; năm 1930 ở xã Môn Sơn, huyện Con Công, tỉnh Nghệ An; năm 1936 ở huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và ở Thái Nguyên; năm 1941 ở Hòa Bình, Sơn La, Yên Bái, Hà Giang. Đồng thời các tổ chức quần chúng của Đảng: Nông hội đỏ, Công hội đỏ, Thanh niên cộng sản đoàn, Thanh niên phản đế, các Hội tương tế và ái hữu được thành lập ở Cao Bằng và nhiều nơi ở Việt Bắc. Cho nên trong khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh bị khủng bố gay gắt thì các cơ sở cách mạng ở Việt Bắc vẫn được giữ vững và phát triển. Từ năm 1934 - 1939 các hình thức đấu tranh thường thấy ở các nước công nghiệp như: treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, mít tinh đòi tự do dân chủ, giảm phu thuế, cải thiện dân sinh, thả tù chính trị lan rộng. Cuộc mít tinh tháng 2-1937, 2000 người, chủ yếu là người Tày ở Cao Bằng đón Gôta, đưa bản dân nguyện có ý nghĩa chính trị quan trọng. Tháng 9-1940 cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên do Đảng lãnh đạo nổ ra, đánh chiếm đồn Mỏ Nhài, lật đổ chính quyền thực dân, xây dựng chính quyền nhân dân, lập đội du kích đã mở ra thời kỳ đấu tranh vũ trang ở khu vực và cả nước. Với đội du kích Bắc Sơn, về sau các đội cứu quốc quân được thành lập. Cuối năm 1940 một đoàn cán bộ đã về Cao Bằng mở lớp huấn luyện ngắn hạn 40 người làm nòng cốt xây dựng lực lượng cách mạng ở địa phương.

Với những điều kiện chính trị - xã hội như vậy, ngày 8-2-1941 Chủ tịch Hồ Chí Minh về Pắc Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng trực tiếp chỉ đạo cách mạng cả nước. "Cuộc đời của Bác gắn bó với đất nước Việt Nam, với đồng bào Việt Nam, đặc biệt với đồng bào Cao Bằng, với rừng núi Cao Bằng, nơi Bác đã đặt chân về đầu tiên sau bao nhiêu năm xa Tổ Quốc"¹. Tại Pắc Bó tháng

5-1941, Hội nghị trung ương đã họp quyết định nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tranh thủ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền, thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Nhờ đó cách mạng đã mở rộng ở nhiều bản, xã, tổng, huyện của Cao - Bắc - Lạng và phát triển, nối liền với Thái - Tuyên - Hà, hình thành nên chiến khu Việt Bắc, lập các đội tự vệ vũ trang và đội du kích Pắc Bó do đồng chí Lê Quảng Ba làm tiểu đội trưởng, đào tạo cán bộ quân sự ở nước ngoài, thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, 34 người, do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách gồm 4 người Kinh, 19 Tày, 8 Nùng, 1 Hmông, 1 Dao. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1945, chính quyền cách mạng được xây dựng ở hầu hết các tỉnh Việt Bắc. Khu giải phóng 6 tỉnh Việt Bắc, gồm Cao - Bắc - Lạng - Thái - Tuyên - Hà, thành lập 11-6-1945 là căn cứ địa của cả nước. Quốc dân đại hội họp ở đình Tân Trào đã bầu ra Chính phủ Lâm thời do Bác Hồ làm Chủ tịch. Ở đây, Quân giải phóng ra đời do sự hợp nhất của Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân. Khu giải phóng Việt Bắc là "Quê hương cách mạng dựng nên cộng hòa". Từ đó quân giải phóng mở đường nam tiến.

Nhưng Cách mạng tháng Tám vừa thành công được ít ngày, cuộc kháng chiến 9 năm đã diễn ra và Việt Bắc lại trở thành căn cứ địa, các dân tộc thiểu số tích cực tham gia sự nghiệp giải phóng miền Bắc, rồi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đồng bào chịu đựng nhiều hy sinh trong điều kiện kháng chiến lâu dài, ác liệt đánh thực dân Pháp rồi đánh đế quốc Mỹ, vừa chiến đấu vừa xây dựng. Nhưng đó là giai đoạn hào hùng của lịch sử mở ra cho đất nước thời kỳ lịch sử mới chưa từng thấy.

Ngày nay, sau nhiều năm xây dựng cuộc sống mới, đồng bào đang thực hiện các chính sách đổi mới để phát triển kinh tế - văn hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa, tiến

tới thực hiện bình đẳng thực sự về mọi mặt giữa các dân tộc.

Cũng như các công cuộc giải phóng đất nước thời phong kiến, trong giai đoạn chống xâm lược thời hiện đại, nhân dân ta đã phải đối phó và chiến thắng các đội quân hùng mạnh, thậm chí hùng mạnh nhất thời đại, và sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc thiểu số có ý nghĩa to lớn. Nhưng khác với trước kia, trong các cuộc chống xâm lược thời hiện đại, đồng bào các dân tộc thiểu số không chỉ chiến đấu ở địa phương mình, mà còn đi khắp các chiến trường của cả nước, tham gia bộ đội với tỷ lệ cao so với dân số (nhiều nơi hơn 15%), có mặt ở các đơn vị của toàn quân, nhiều đơn vị được thành lập tại địa phương rồi đi thưng ra chiến trường. Các dân tộc đều chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, lập nhiều chiến công và chịu nhiều hy sinh. Trong đội ngũ các chiến sĩ quân đội cách mạng không chỉ có con em các dân tộc đồng người, mà có cả người của các dân tộc không đồng, các dân tộc dân số ít và sinh sống ở vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh. Nhiều vùng dân tộc đã trở thành căn cứ của chiến tranh giải phóng. Ở đó, đồng bào vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, vừa sản xuất, đã đem phần lớn lương thực, thực phẩm của mình đóng góp cho kháng chiến, tuy cuộc sống còn rất nghèo khổ, lạc hậu nhưng lại biết hy sinh cao cả cho sự nghiệp chung to lớn. Theo số liệu chưa đầy đủ ở 22 dân tộc đã có 116 người được phong danh hiệu anh hùng, cho đến cuối năm 1994 ở 32 dân tộc có 236 người được công nhận là bà mẹ Việt Nam anh hùng và rất nhiều xã được tặng danh hiệu anh hùng.

Tính tích cực cao của nhân dân các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp giải phóng đất nước là do Đảng Cộng sản Việt Nam với những chính sách đúng đắn của mình đã động viên, phát huy lòng yêu nước và tự hào dân tộc, truyền thống đấu tranh và tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc ở nước ta.

Trong lịch sử, các dân tộc đã thường xuyên chăm lo xây dựng quê hương xứ sở của mình, mở mang đất đai cho sản xuất và chăn nuôi, kết hợp phát triển các nghề thủ công tạo lập cuộc sống ổn định lâu dài. Trong nhiều trường hợp, các nhóm dân cư chuyển đến những vùng đang sinh sống hiện nay là do muốn thoát khỏi sự thống trị tàn bạo hoặc muốn có những điều kiện sinh sống thuận lợi hơn, nên việc các dân tộc tham gia chống xâm lược để bảo vệ quê hương, giải phóng đất nước đã trở nên rất thiết thực với chính mình. Điều này cũng được thể hiện rõ cả trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở phía Bắc và phía Tây nam năm 1979.

Phát triển sản xuất, nâng cao khả năng lao động và tạo ra những điều kiện cho đời sống vật chất và tinh thần tốt hơn, luôn luôn là ước vọng và mục tiêu phấn đấu của nhân dân các dân tộc. Vì vậy, việc tạo ra những điều kiện sản xuất ngày càng tăng rất được chú trọng. Trong thời kỳ tổ chức hợp tác xã nông nghiệp, do các công trình thủy lợi được xây dựng, sử dụng giống mới và áp dụng những biện pháp canh tác tiến bộ, đã làm cho những tiềm năng lao động và đất đai bước đầu được phát huy ở nhiều nơi, trong nhiều năm, năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, do điều kiện sản xuất còn hạn chế, trình độ quản lý thấp, nên tác dụng thúc đẩy của các hợp tác xã gặp nhiều trở ngại, nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh trong hoạt động kinh tế và quan hệ xã hội khó giải quyết...

Thực hiện các chính sách đổi mới của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là hội đồng Chính phủ), đã đem lại những chuyển biến mới trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở các dân tộc thiểu số và miền núi ngày càng tích cực. Cùng với việc nâng cao năng suất các loại cây trồng, vật nuôi, việc phát triển kinh tế vườn đồi, lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc

lớn đã trở thành nhiệm vụ chính của sản xuất - kinh tế ở khu vực này. Nó đã tạo nên bước tiến trong phát triển kinh tế - xã hội ở một số nơi theo hướng chuyển dần từ nông nghiệp thuần nông với thói quen chú trọng nhiều đến trồng cây lương thực để tự túc tự cấp sang sản xuất hàng hóa, kinh doanh đa dạng, chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu kinh tế gắn liền sản xuất với chế biến, nông lâm nghiệp với công nghiệp phù hợp với những tiềm năng, thế mạnh của từng nơi. Quá trình đô thị hóa bắt đầu ở miền núi với các thị xã thị trấn cũ được mở rộng và các thị xã thị trấn mới, các thị tứ hình thành và phát triển, ở đó cư dân các dân tộc ít người dân tăng lên. Như vậy, mặc dù chỉ mới một thời gian ngắn, nhưng những kinh nghiệm thực tế của việc thực hiện Nghị quyết 22 và Quyết định 72 đã khá phong phú và nhiều bổ ích.

Song song với sự phát triển sản xuất - kinh tế sự nghiệp giáo dục và văn hóa cũng đã có những tiến bộ rõ rệt. Mạng lưới trường học các loại hình, các cấp với số lượng lớn học sinh và giáo viên, tuy có những mức độ khác nhau ở từng nơi, nhưng nói chung đã được phân bố rộng khắp, đáng kể, ngày càng được củng cố và phát triển. Ở tất cả các dân tộc, trình độ học vấn chung còn thấp, lại có sự chênh lệch giữa các dân tộc, song đều đã có nhiều người được học hành, tầng lớp trí thức xuất hiện ngày càng đông, dân trí ngày một nâng cao. Có thể nói, những thành tựu của sự nghiệp giáo dục ở các dân tộc thiểu số và miền núi là một trong những thành tựu của việc xây dựng xã hội mới trong mấy chục năm qua trên đất nước ta, và nó tác động không nhỏ đối với mọi mặt đời sống của cư dân các địa phương.

Trong nhiều thời kỳ, sự nghiệp văn hóa ở vùng các dân tộc thiểu số đã được Nhà nước quan tâm trên nhiều phương diện và đã đạt được những bước tiến nhất định. Việc sưu tầm vốn văn hóa nghệ thuật truyền thống được tiến hành tương đối rộng rãi, ở nhiều

dân tộc; số lượng các công trình đã xuất bản tương đối nhiều, trong đó nhiều công trình có ý nghĩa không chỉ ở nước ta mà còn đi vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại. Trong quá trình tham gia sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng xã hội mới, đã xuất hiện những người dân tộc thiểu số hoạt động văn hóa - nghệ thuật trên tất cả các lĩnh vực: thơ, văn, kịch, họa, nhạc, điêu khắc, múa, điện ảnh, v.v. Các tác phẩm của họ đã có ảnh hưởng lớn trong quần chúng. Một số tác phẩm thơ và văn xuôi bằng tiếng nói chữ viết dân tộc, tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng đã xuất hiện và đang trưởng thành. Nhiều nhà thơ, nhà văn và nhà hoạt động văn hóa - nghệ thuật là người Kinh cũng đã có được nhiều tác phẩm hay về các dân tộc thiểu số, không ít người đã thực sự gắn bó trong quần chúng và cống hiến tài năng của mình vì đồng bào các dân tộc. Cùng với những thành tựu đó, các cơ sở vật chất của nền văn hóa mới, những đoàn văn công, đội chiếu phim, trạm truyền thanh, thư viện, nhà văn hóa... được xây dựng ở các tỉnh và huyện; do đó những ảnh hưởng của văn hóa mới, những tác động của tri thức mới ngày càng tỏa ra sâu rộng, góp phần nâng cao dân trí ở miền núi và đưa tầm nhìn của cư dân các dân tộc thiểu số đến chân trời rộng mở hơn...

Từ trong chiến tranh và trong xây dựng xã hội mới, đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp ở vùng dân tộc đã hình thành và phát triển. Nhiều cán bộ quân sự, chính trị người dân tộc thiểu số đã có những công chính sách về vang cho đất nước, xứng đáng là những tấm gương sáng cho các thế hệ hiện nay và mai sau học tập. Đội ngũ những cán bộ văn hóa và nghệ thuật - những nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, nhà điêu khắc, diễn viên múa, nghệ sĩ điện ảnh, nhạc sĩ, nhà viết kịch, v.v... là những biểu hiện cao của sự sáng tạo và sức vươn lên của nhân dân các dân tộc từ truyền thống đi lên. Những cán bộ chuyên môn, cán bộ khoa học - kỹ thuật người các dân tộc thiểu số ngày càng

đồng đảo cũng là những biểu hiện của xu hướng tăng trưởng trình độ kinh tế - văn hóa của các dân tộc ở thời kỳ lịch sử mới. Có thể nói, sự hình thành và phát triển đội ngũ cán bộ ở các dân tộc thiểu số là một thành quả to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 50 năm qua, là vốn quý trong sự phát triển của các dân tộc và của miền núi.

Qua 50 năm đấu tranh giải phóng đất nước và xây dựng xã hội mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, các dân tộc thiểu số đã cùng người Kinh giành được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực của cuộc sống, trong đó nhiều thành tựu đã đi vào lịch sử không bao giờ phai mờ được. Tuy nhiên, nếu xem xét về phương diện xây dựng cuộc sống mới, thì do nhiều điều kiện khó khăn, những thành tựu đã đạt được còn rất hạn chế. Ở nhiều nơi, cuộc sống của cư dân chưa ổn định, sự nghèo nàn lạc hậu vẫn hiện lên đáng lo ngại, còn thiếu ăn, thiếu mặc, mù chữ và ốm yếu; ở một vài nhóm người, dân số chậm phát triển; số dân du canh du cư còn đông; rừng và môi trường suy thoái nhanh; đội ngũ cán bộ yếu và mỏng; mê tính dị đoan một số hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội tác hại đến đời sống không ít v.v... Trong kinh tế, sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất và phương hướng làm ăn còn chậm, nông nghiệp truyền thống vẫn ngự trị phổ biến, tạo ra tới 80% giá trị thu nhập của nhân dân, ở nhiều nơi thậm chí đến 90%; chăn nuôi và ngành nghề chậm phát triển, tỷ suất giá trị sản phẩm hàng hóa thấp; nền kinh tế chưa thoát khỏi tình trạng tự cấp tự túc. Trong các dân tộc thiểu số nhìn chung kinh tế hàng hóa còn nhỏ bé, ít ỏi, cũng chưa xuất hiện đáng kể lớp người kinh doanh, dù là kinh doanh nhỏ.

Trong tình trạng còn nghèo nàn và lạc hậu, lại có nhiều vấn đề kinh tế - văn hóa mới nảy sinh, các dân tộc thiểu số đang đứng trước những thử thách lớn lao trên bước đường phát triển của mình để "xóa bỏ tận

gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc, để phát triển về mọi mặt, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau tiến bộ" như đường lối chính sách của Đảng đã chỉ ra. Song "Để thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, vấn đề mấu chốt là đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc. Tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ các dân tộc ít người"

Rõ ràng, việc giảm đi những chênh lệch trong sự phát triển giữa các dân tộc, giữa các vùng làm giàu chính đáng, nhanh chóng và thực hiện "xóa đói giảm nghèo" trong các dân tộc là nhiệm vụ chính trị - xã hội cơ bản của việc thực hiện chính sách dân tộc. Cho nên, trong những năm qua, Nhà nước đã tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội miền núi bằng hình thức các chương trình, dự án, hỗ trợ đời sống cho nhân dân vùng cao nhiều khó khăn. Trên thực tế, việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển sản xuất hàng hóa nhằm tăng thu nhập của nhân dân không phải là những việc mới: Nó đã được nêu ra và thực hiện từ nhiều năm trước đây. Song, do thiếu những điều kiện cần thiết, trước hết là vốn, nên kết quả của việc làm còn hạn chế. Gần đây, những tiến bộ về kinh tế - xã hội đạt được ở một số nơi là do đã được Nhà nước đầu tư và đã thực hiện các chương trình, dự án có kết quả hơn. Bên cạnh đó, điều quan trọng còn là Nhà nước có quy hoạch và các kinh tế phát triển kinh tế - xã hội có giá trị thực tiễn cao, hỗ trợ và bao tiêu sản phẩm do đồng bào làm ra một cách hợp lý, tăng cường áp dụng những biện pháp khoa học - kỹ thuật tiến bộ, đẩy nhanh phát triển sản xuất hàng hóa, tạo ra những cơ sở cho sự phát triển bền vững, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Như kinh nghiệm phổ biến cũng như thực

tiền đã chỉ ra sự tăng trưởng kinh tế không thể tách khỏi những nhân tố xã hội và văn hóa - Điều này càng quan trọng đối với các dân tộc thiểu số. Trước hết, đó là những vấn đề thuộc về chế độ sở hữu, chiếm hữu đất đai truyền thống. Trong việc thực hiện luật đất đai, thực hiện "Khoán 10" và giao đất giao rừng cho các hộ nông dân sử dụng lâu dài, cần có sự kết hợp hài hòa với việc tính đến những truyền thống văn hóa. Đồng thời, để phát triển kinh tế hộ gia đình ngày càng nhanh chóng, có khả năng kinh doanh lớn, thì việc phát triển các mối quan hệ cộng đồng ở những phạm vi khác nhau - làng bản, hợp tác xã cũng như các tổ chức hành chính, kinh tế, xã hội cao hơn - là rất quan trọng và cần thiết.

Sự phát triển kinh tế - văn hóa ở các dân tộc và sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đều phải dựa trên sự giúp đỡ của Nhà nước và sự tự vươn lên của chính bản thân mỗi một dân tộc.

Sự giúp đỡ của Nhà nước chính là việc xây dựng, thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa, với những chương trình, dự án cụ thể và tạo ra những khả năng, điều kiện thực hiện chúng có hiệu quả. Sự phát triển chậm về kinh tế - văn hóa ở các dân tộc và miền núi là do trong một thời gian dài Nhà nước đầu tư chưa thỏa đáng, mặt khác là do quy hoạch, các kế hoạch phát triển còn thiếu điều tra nghiên cứu cụ thể, nhiều khi còn có sự áp đặt, nên đã không sát hợp và ít tính khả thi. Hiện nay cần tăng cường các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa đối với các vùng dân tộc, với miền núi, trong đó chú trọng hơn đến các dân tộc hay nhóm người dân số ít ở vùng cao, biên giới điều kiện sống nhiều khó khăn; việc xây dựng các cơ sở vật chất cao sản xuất, xã hội, việc phát triển giáo dục, văn hóa và đào tạo cán bộ đang là những đòi hỏi cấp bách.

Sự tự vươn lên của mỗi dân tộc là hết sức quan trọng. Trong văn kiện Đại hội đại

biểu toàn quốc của Đảng lần thứ III đã nêu: "Giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và năng lực to lớn của mình, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ để tiến lên chủ nghĩa xã hội". Tinh thần đó cũng được nêu lên tiếp trong các văn kiện Đại hội Đảng sau này. Trên thực tế, tinh thần tự lực tự cường của mỗi dân tộc, mỗi nhóm người là yếu tố quyết định đối với sự tiến bộ xã hội. Nhiều mô hình làm ăn tốt là do sự cố gắng vươn lên của nhân dân trong làng bản. Trong quá khứ, tinh thần và năng lực to lớn của các dân tộc thiểu số đã được phát huy cao; ngày nay, trong xây dựng cuộc sống mới lại càng cần được phát huy hơn nữa. Nếu không phát huy được tinh thần tự lực tự cường, tự vươn lên của quần chúng, không thể có bất cứ một sự tiến bộ xã hội nào bền vững.

Để phát huy tốt những năng lực sáng tạo của quần chúng, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - văn hóa các dân tộc thiểu số thì nhiệm vụ cơ bản hàng đầu hiện nay là xây dựng cho được đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, làm cho mỗi dân tộc có đội ngũ cán bộ của mình. Họ vừa có năng lực vừa gắn bó sâu sắc với sự tiến bộ xã hội của đồng bào nơi quê hương mình. Không có đội ngũ cán bộ vững mạnh của từng dân tộc, nhất là ở cơ sở, khó có thể thu hút và phát huy những năng lực phong phú của đông đảo quần chúng để xây dựng xã hội mới. Yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có khả năng đảm đương tốt các công việc hiện thời và lâu dài, đòi hỏi cần có kế hoạch đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng một cách tích cực khẩn trương. Ngoài hình thức chính quy, dài hạn, vẫn cần hình thức đào tạo không chính quy, ngắn hạn. Trước mắt, đối với các dân tộc vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh, cần mở các lớp ngắn hạn đào tạo số cán bộ xã, thôn, bản có khả năng quản lý kinh tế, xã hội và thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở. Đồng thời, cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch để thực hiện một cơ cấu thành phần đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu chính trị - xã hội của từng

địa phương. Phải coi đó là bước đầu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa, thực hiện dân chủ và bình đẳng dân tộc đối với các dân tộc thiểu số.

Nâng cao trình độ học vấn và dân trí, nâng cao khả năng hoạt động của công tác thông tin - văn hóa là những công việc cấp thiết hiện nay ở vùng núi và các dân tộc thiểu số. Phát triển, củng cố các loại hình trường phổ thông các cấp về mọi mặt để có thể tạo nguồn phong phú cho các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đang là một khâu yếu cần được khắc phục nhanh chóng.

Công tác thông tin và văn hóa cần được tăng cường, đặc biệt trên các phương diện: sưu tầm vốn văn hóa cổ truyền phổ biến các loại hình văn hóa quần chúng, nghiên cứu và biên soạn các sách về lịch sử và văn hóa các dân tộc để giảng dạy ở các trường học; phổ biến những kiến thức mới và những hình thức văn hóa mới; sử dụng tốt tiếng nói, chữ viết các dân tộc trong công tác thông tin và văn hóa, đáp ứng những nhu cầu văn hóa của nhân dân.

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng trên miền núi, nhất là mở mang giao thông vận tải, tổ chức các trạm trại nghiên cứu cây trồng, vật nuôi, lập các cơ sở chế biến những sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, và xây dựng mạng lưới điện đang là những yêu cầu của sự phát triển, cần được từng bước ưu tiên thực hiện. Trên thực tế, những yếu kém trên các lĩnh vực này đang gây trở ngại cho sự phát triển sản xuất lên một bước mới, đồng thời không nâng cao được những giá trị của sản phẩm nông lâm nghiệp, hạn chế giao lưu hàng hóa giữa các vùng.

Sự phát triển kinh tế - văn hóa và thực hiện các chính sách từ trước tới nay đều theo vùng và dân tộc, nhưng còn ở dạng rất chung. Về vùng, việc xác định các vùng lớn, các tiểu vùng trong phát triển kinh tế - văn hóa cần được tiến hành sớm, cụ thể, trên cơ sở khoa học. Bởi vì, đó là cơ sở phát

huy những tiềm năng và thế mạnh về tự nhiên, dân cư, các điều kiện vật chất và tinh thần, là cơ sở xây dựng các chương trình, dự án phát triển. Về dân tộc, những khác nhau về trình độ phát triển giữa các dân tộc đã trở thành đặc điểm cần được chú trọng trong việc thực hiện chính sách. Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành các chủ trương chính sách về một số vùng và dân tộc, những việc làm này cần được tiếp tục và cụ thể hơn. Có thể cần nghiên cứu để có chính sách thích hợp hơn đối với các cư dân bản địa Tây Nguyên, các dân tộc và các nhóm người dân số ít, các cư dân ở vùng biên giới, cũng như cần có các kế hoạch thực hiện chính sách ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc, công tác phát thanh truyền hình, việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, v.v. để trên cơ sở đó, cùng với sự giúp đỡ của Nhà nước, có thể phát huy các năng lực sáng tạo tự chủ của quần chúng trên con đường xây dựng cuộc sống mới.

Việc xóa bỏ những chênh lệch giữa các dân tộc trong sự phát triển kinh tế, văn hóa đã được vạch ra từ năm 1960, cho đến nay vẫn là nhiệm vụ chính trị xã hội cơ bản và trở nên bức thiết, vì trên thực tế nó có chiều hướng tăng lên, thì sự đòi hỏi hiện nay là đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế và văn hóa phải cụ thể ở từng vùng và từng dân tộc. Cho nên sau Hội nghị toàn quốc về phát triển kinh tế - xã hội miền núi tháng 9-1993, ngày 2-11-1993, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị thực hiện những chủ trương, biện pháp nhằm tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội miền núi, thực hiện có hiệu quả hơn nữa Nghị quyết 22, Quyết định 72 và quán triệt Hội nghị lần thứ 5 của Trung ương (khóa VII) về đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Nhiệm vụ đặt ra trước mắt là đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội miền núi theo vùng và dân tộc với những mục tiêu cao từ những năm 1994 - 1995, đồng

thời tích cực chuẩn bị cho bước phát triển trong các năm sau về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo vệ rừng gắn với ĐCĐC, xây dựng cơ sở hạ tầng và giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, để ở các dân tộc, miền núi không những có cơ cấu kinh tế mà cả cơ cấu xã hội thích hợp và đời sống văn hóa vật chất, tinh thần cao, mang đậm bản sắc dân tộc. Đó là những cơ sở xã hội của việc thực hiện bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc.

Đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - văn hóa từ trình độ thấp tiến tới theo kịp trình độ chung của cả nước ở các dân tộc, nhóm người như trên đã nói, đòi hỏi nhiều nhân tố và là một quá trình. Bên cạnh đó, cần thấy thêm rằng, cư trú của các dân tộc quá phân tán, tính không ổn định của cư trú tăng lên, đồng bào chưa thật sự phát huy được những khả năng lao động sáng tạo của mình trong việc thực hiện các chính sách đổi mới, sự nghèo nàn và lạc hậu do quá khứ để lại còn đè nặng lên cuộc sống của nhân dân. Hiện nay, mặc dù nhà nước đã chú ý đầu tư cho các vùng dân tộc, nhưng cũng khó có thể phủ kín các chương trình dự án phát triển kinh tế - văn hóa các địa phương như sự mong muốn của nhiều cán bộ ở các địa phương; mặt khác, nó còn là sự năng động của đồng bào ở các cơ sở xã hội. Cho nên, cùng với việc tăng cường những điều kiện vật chất, cần chú trọng đến những điều kiện xã hội - văn hóa, tinh thần và ý thức của quá trình đi lên, bằng sự kết hợp hài hòa giữa xây dựng nông thôn mới và đô thị hóa, chú trọng đến đô thị hóa ở các dân tộc. Ở đây, vấn đề đặt ra là, cần hình thành nên những trung tâm kinh tế - văn hóa ở từng dân tộc hay nhóm dân tộc, nhất là những nhóm dân tộc gần gũi nhau về ngôn ngữ - văn hóa, kết hợp truyền thống và hiện đại, kinh tế và văn hóa, văn hóa tộc người, đẩy mạnh và cụ thể hóa việc thực hiện chính sách dân tộc. Những trung tâm như vậy có thể là thị trấn, thị xã hay một khu vực của thị xã đặt trong

quy hoạch phát triển kinh tế - văn hóa vùng, với việc xây dựng các cơ sở vật chất, xã hội, văn hóa xứng đáng và thành phần cư dân, cán bộ chủ yếu là dân tộc mà quần chúng ngưỡng mộ, tự hào, được coi như là hình thức quan trọng của việc thực hiện chính sách dân tộc và cần có một hình thức như vậy.

Từ tình trạng phát triển kinh tế - văn hóa khác nhau (có những dân tộc hay nhóm người quá nghèo nàn lạc hậu, đang suy thoái; có những dân tộc hay nhóm người vẫn sống cuộc sống du canh du cư và cũng dễ bị suy thoái; có những dân tộc hay nhóm người đã đạt được những bước tiến nhất định về kinh tế - văn hóa ở những nơi thuận lợi, song vẫn chưa thoát khỏi tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, thậm chí có sự xuống cấp ở nhiều lĩnh vực đời sống), rất nhiều khó khăn, nhưng các dân tộc cùng đang vươn lên xây dựng cuộc sống của mình theo con đường đổi mới. Trong bước đường phát triển đó, có dân tộc hay nhóm người về cơ bản đã hòa vào dân tộc khác ở bên cạnh, nhưng nhìn chung, các thành phần dân tộc đã được xác định vẫn ổn định và còn tồn tại lâu dài, khá phổ biến hiện tượng ý thức tộc người tăng lên. Đó là động lực quan trọng trong sự phát triển các dân tộc hiện nay và mai sau. Các dân tộc đều muốn mình tiến lên về mọi mặt, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách chênh lệch về kinh tế - văn hóa, tiến kịp đà phát triển chung của cả nước, thực hiện tốt quyền làm chủ của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống. Đó cũng là sự thể hiện tất yếu chính sách chung của Đảng đối với các dân tộc: bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ trong giai đoạn lịch sử mới của đất nước.

1. Lê Duẩn: *Các dân tộc đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, tr.7.